



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xi măng Bim Sơn

Ngày 30/09/2025	8,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.4%	13.2%	11.7%

DT thuần Q3/25
880
tỷ VNĐ
QoQ: ▼185 -17.4%
YoY: ▲ 87.0 10.9%

LN thuần Q3/25
-9.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼78.0 -113%
YoY: ▲ 16.7 64.7%

LN sau thuế Q3/25
-10.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼73.8 -117%
YoY: ▲ 14.7 57.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-0.3%
YoY: +/-▼ 7.0%

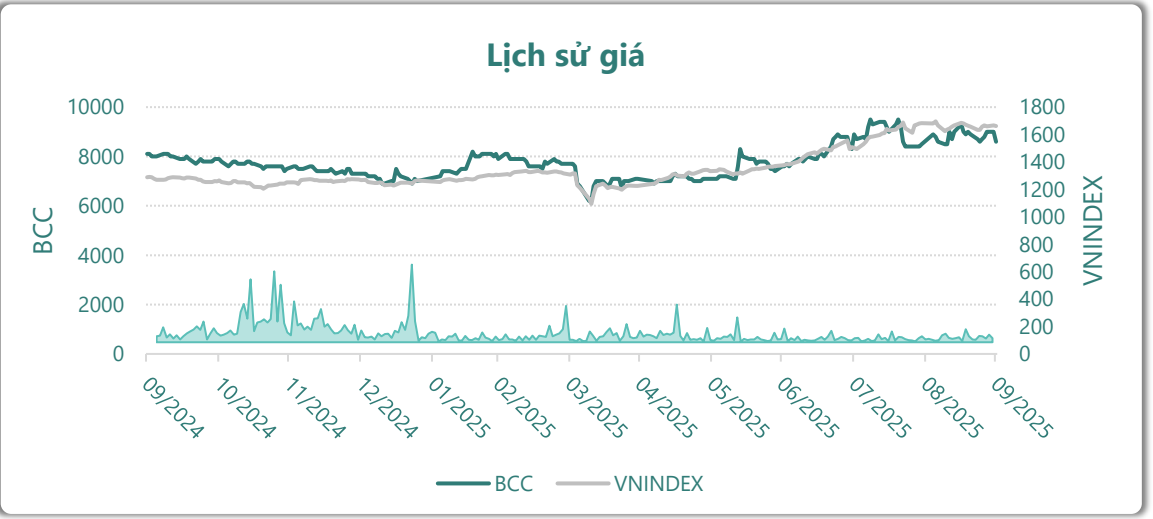
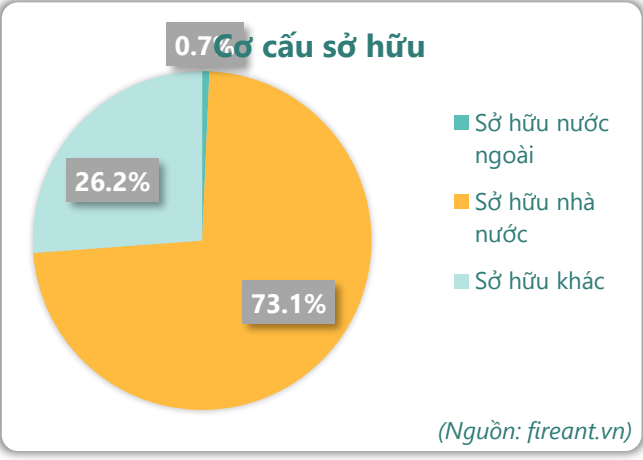
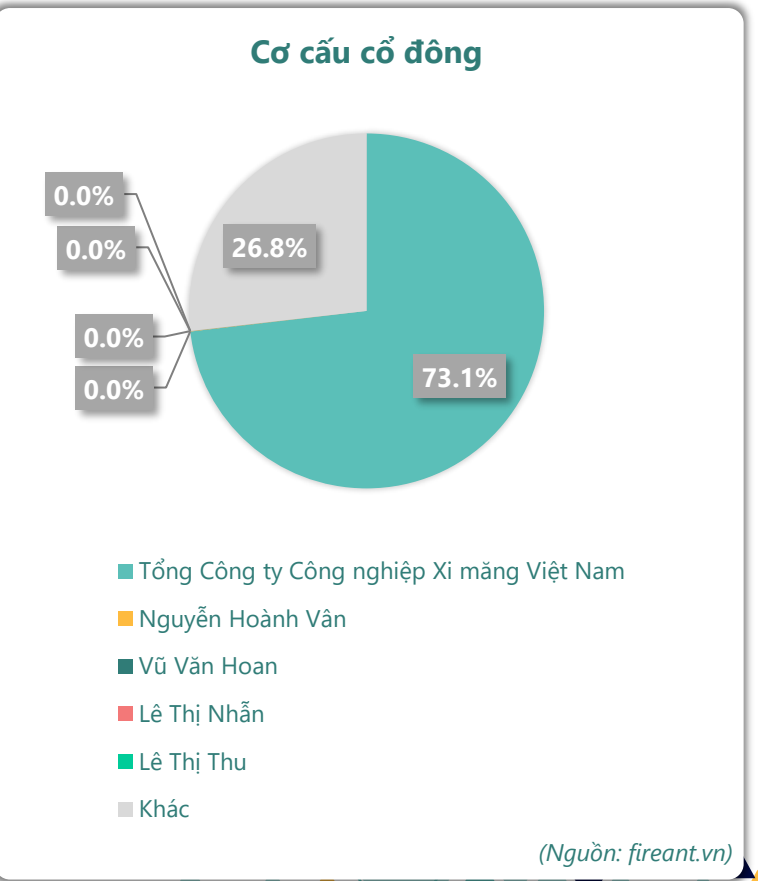
ROE (TTM) Q3/25
2.1%
YoY: +/-▲ 0.9%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,200 - 9,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,060
Số lượng CPLH (CP)	123,209,812
KLGD BQ 20 phiên (CP)	153,560
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.98
EPS	297
P/E	28.9

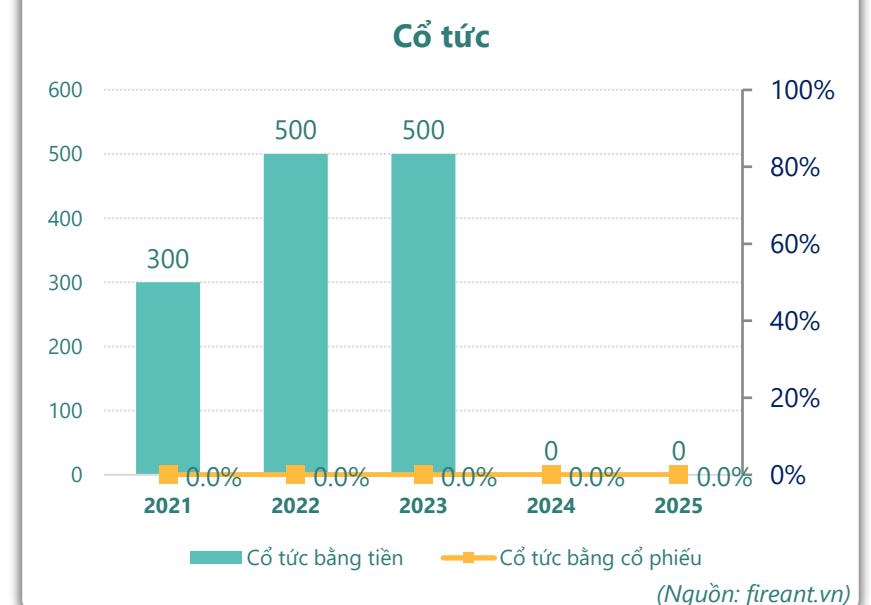
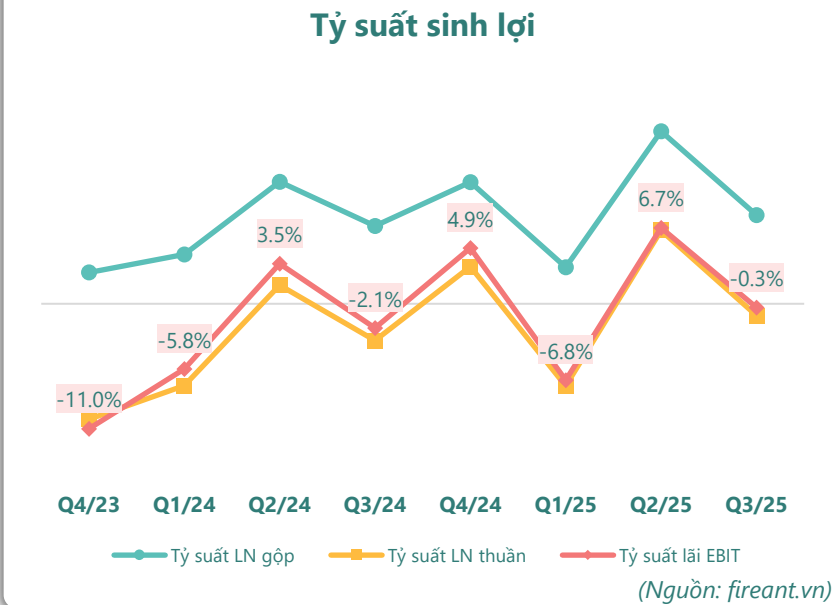
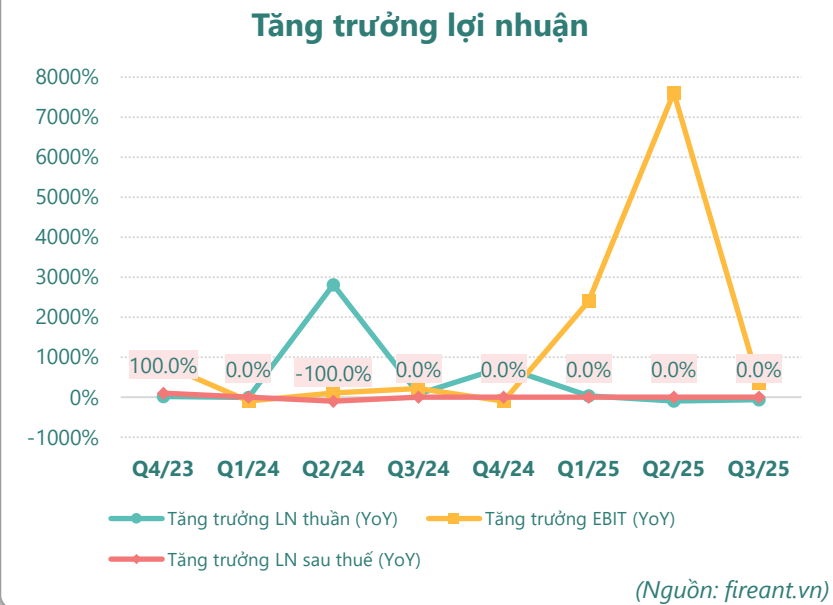
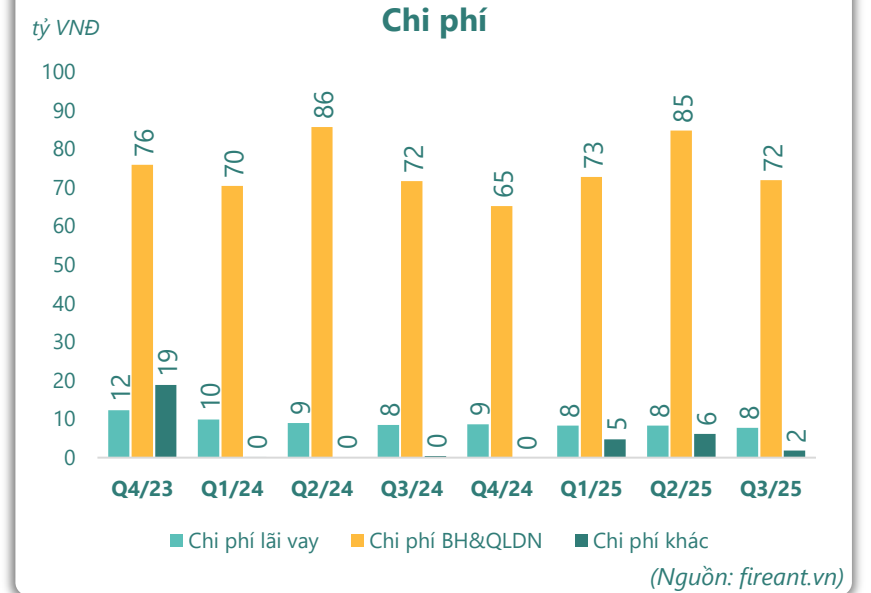
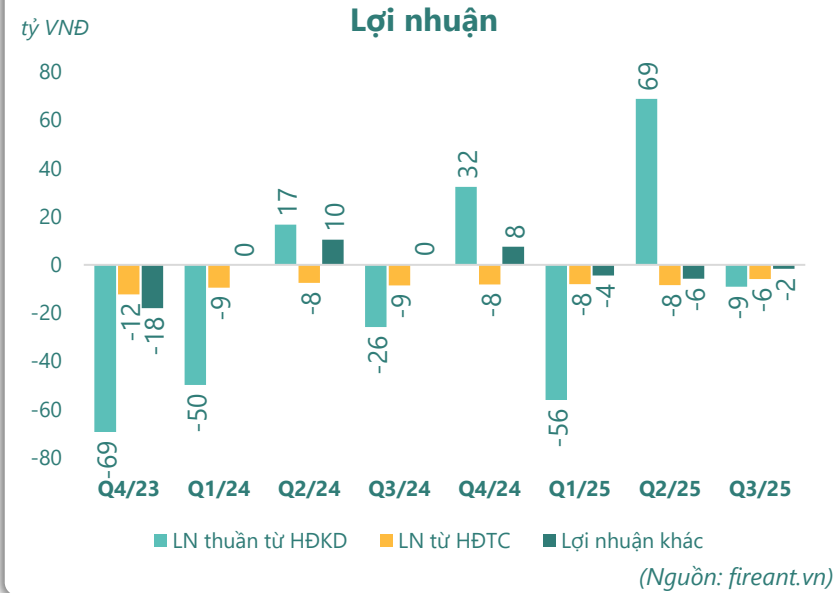
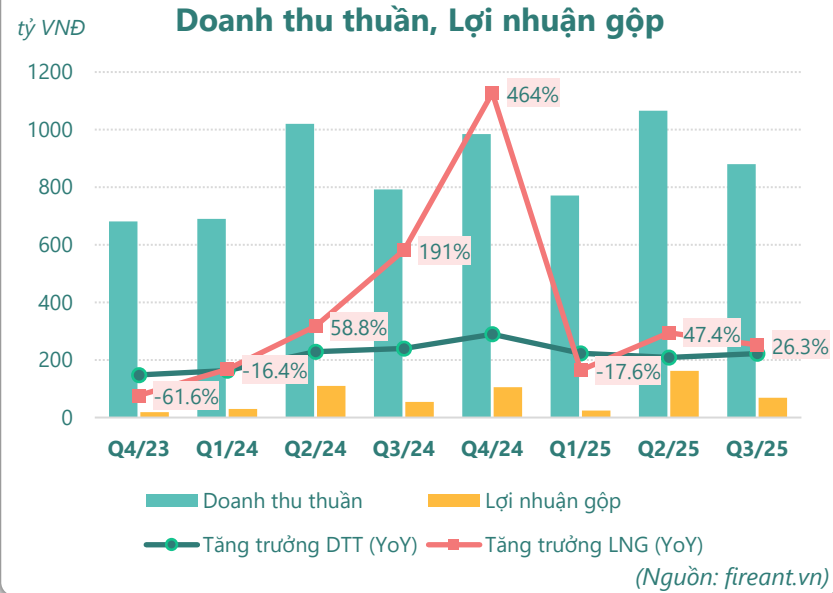
DT thuần 9T 2025
2,717
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 214 8.5%

LN thuần 9T 2025
3.78
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 62.7 106%

LN sau thuế 9T 2025
-7.97
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.0 83.4%



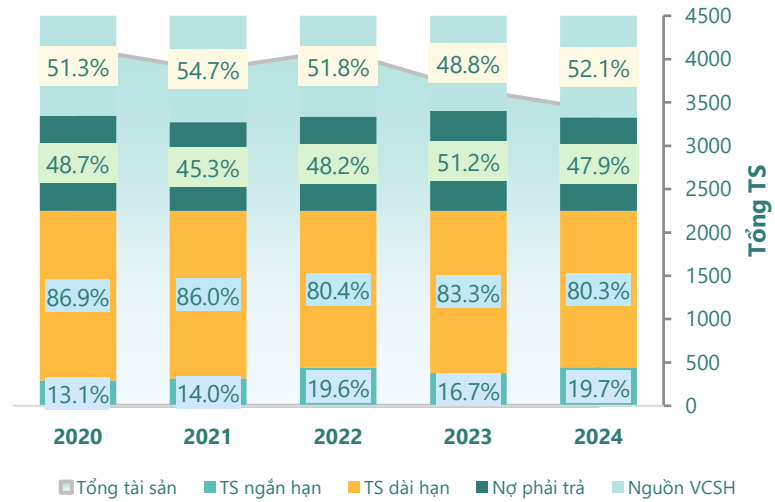
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

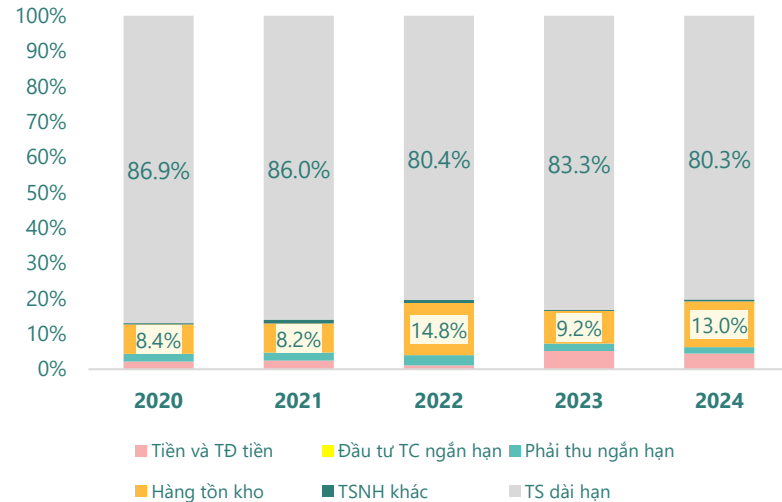
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

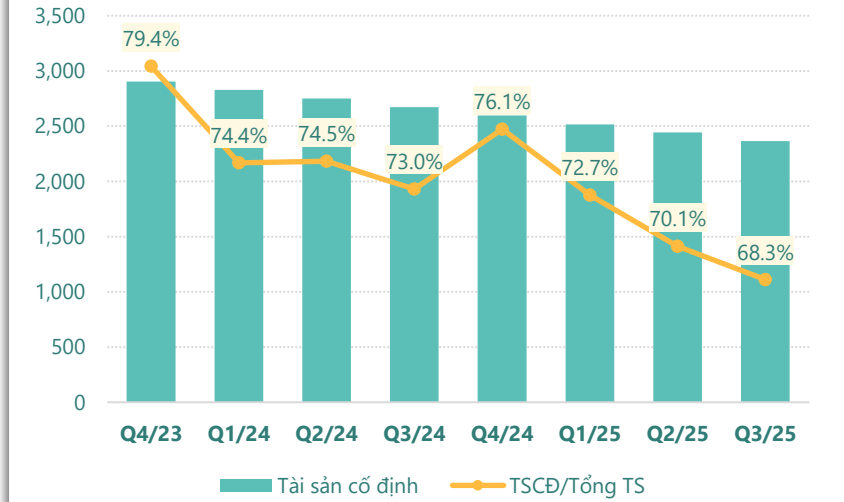
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

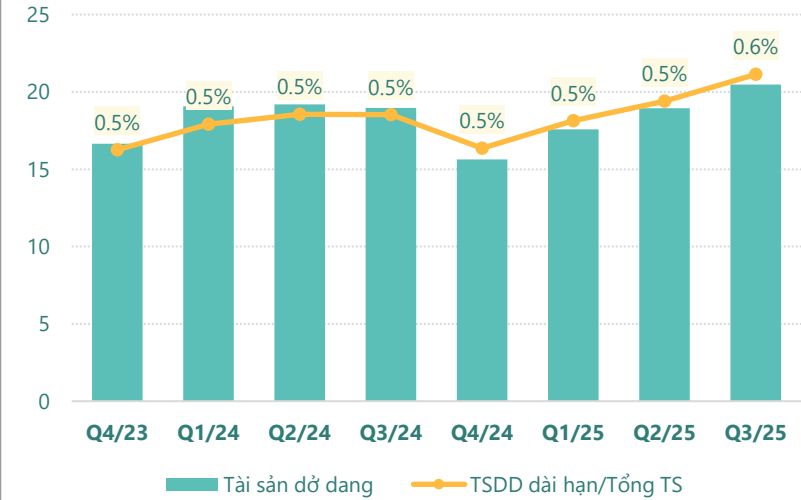
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

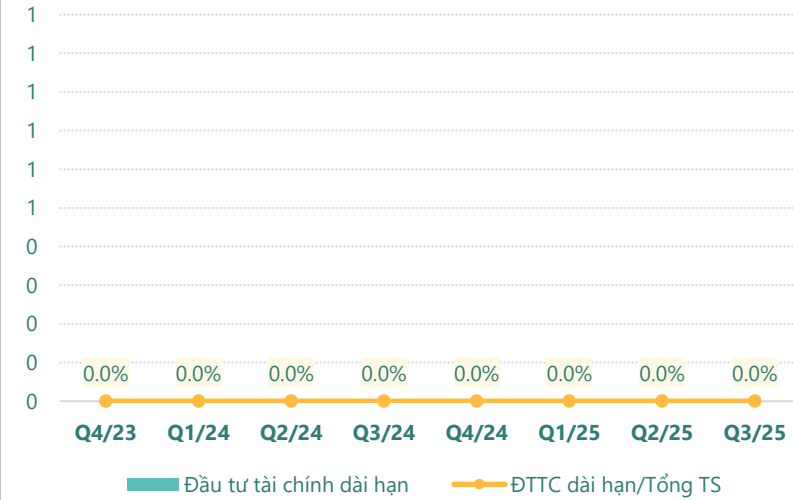
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

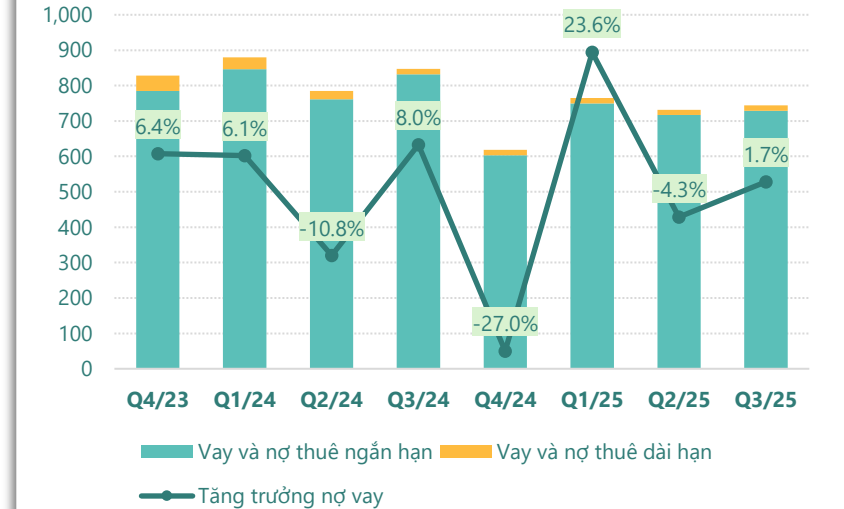
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

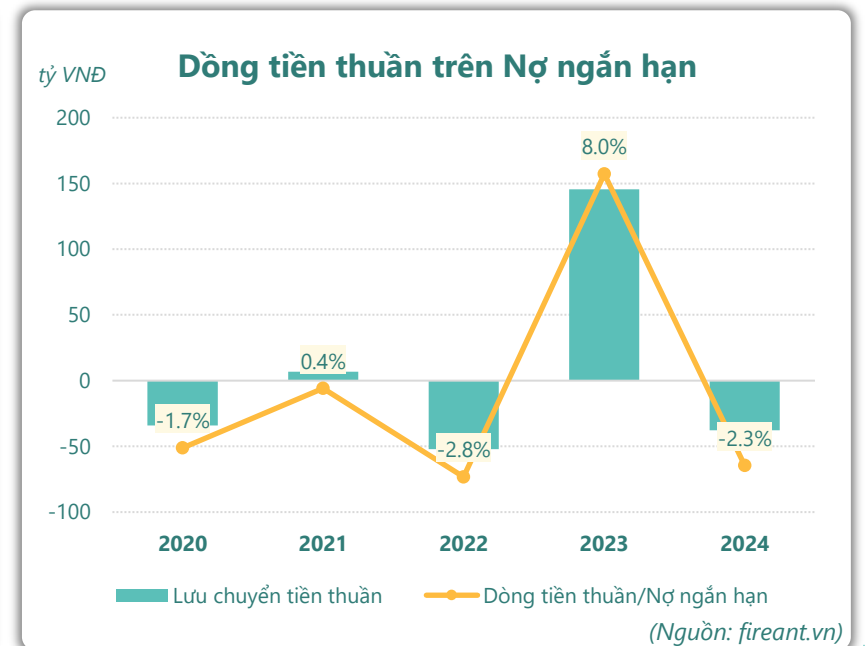
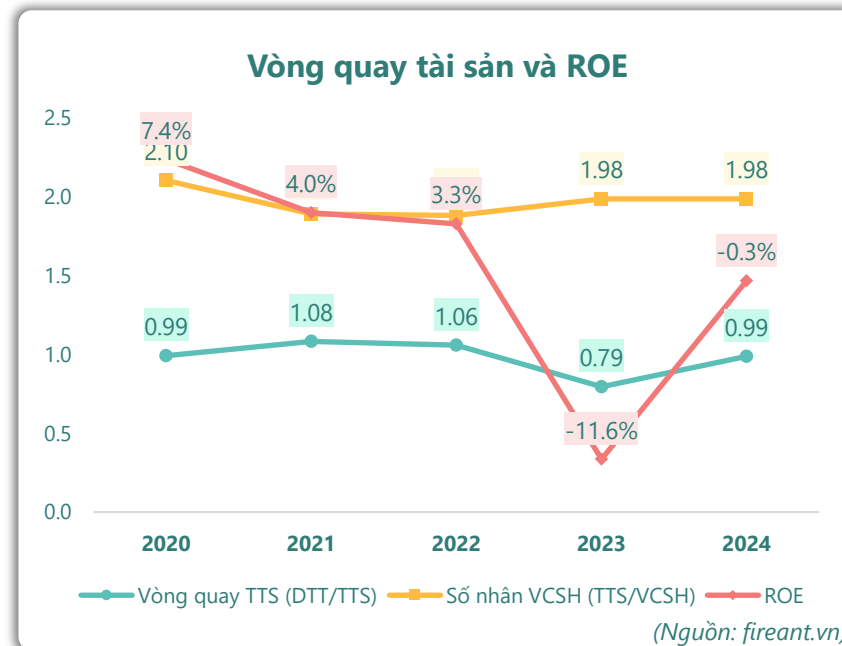
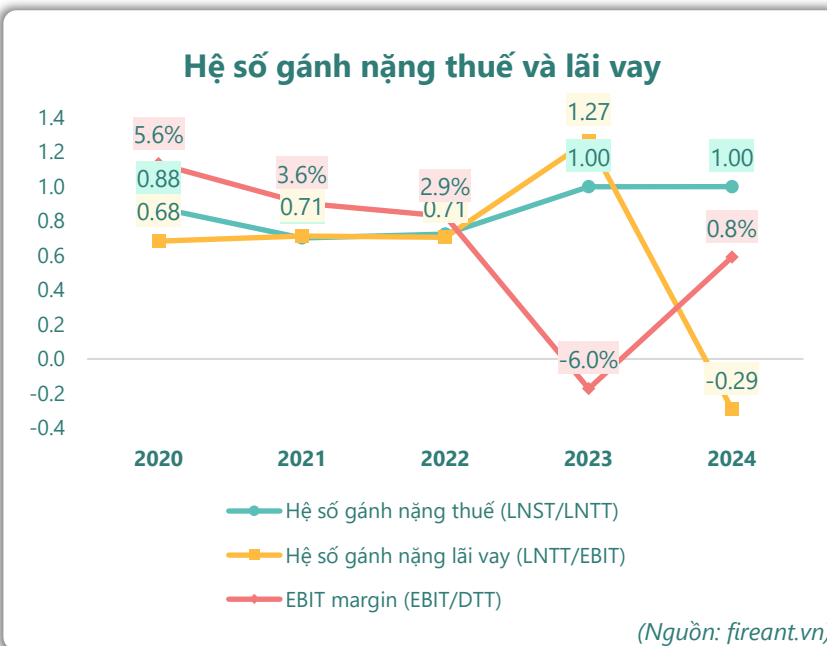
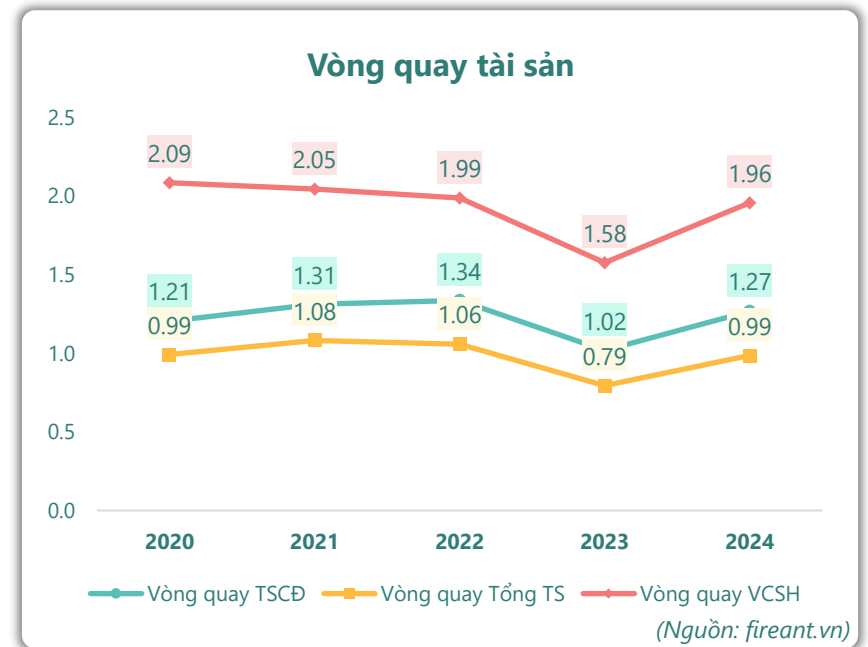
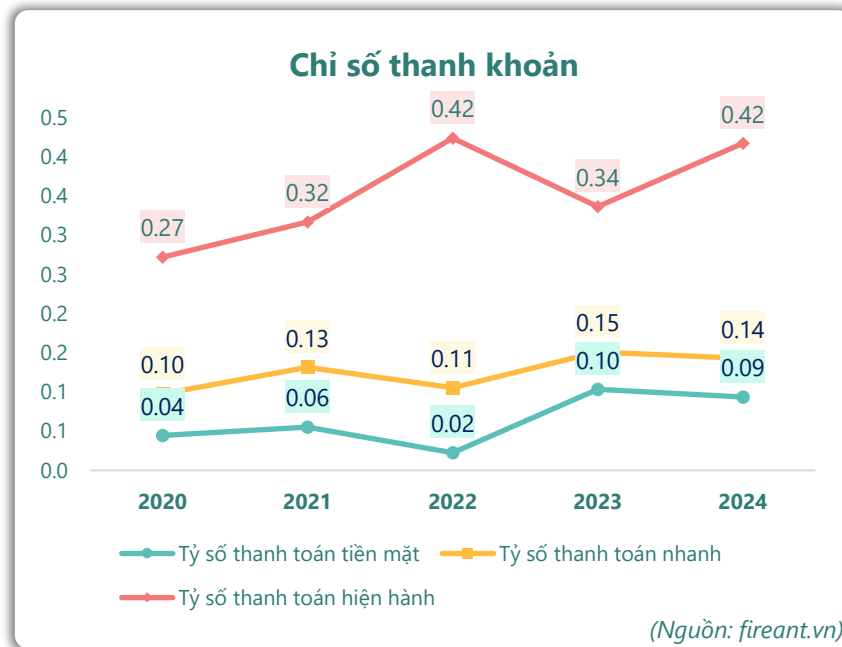
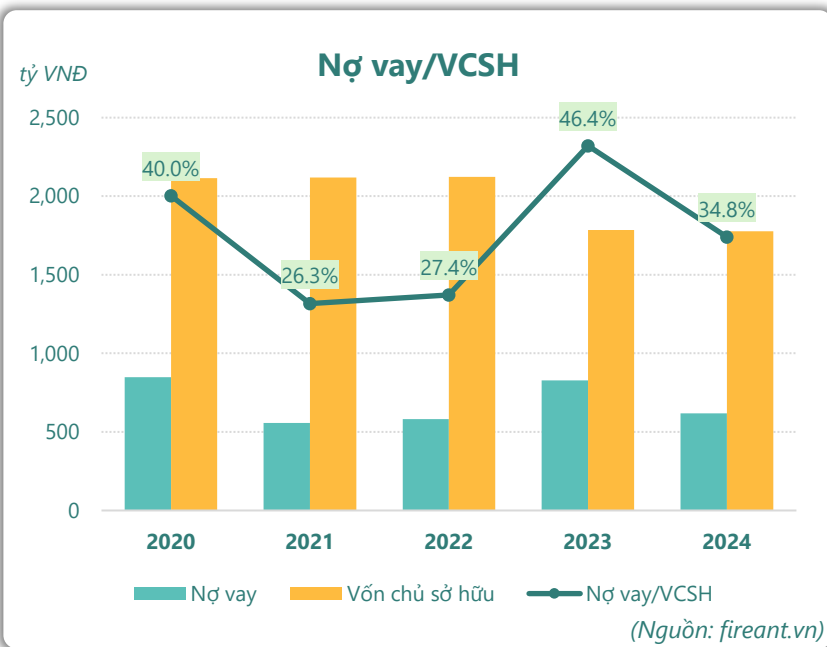
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	880	793	10.9%	2,717	2,503	8.5%
Giá vốn hàng bán	811	738	9.9%	2,461	2,309	6.6%
Lợi nhuận gộp	68.8	54.5	26.3%	256	195	31.5%
Doanh thu HĐTC	1.88	0.10	1784%	2.22	2.23	-0.3%
Chi phí TC	7.84	8.66	-9.5%	24.5	27.8	-11.7%
Chi phí lãi vay	7.75	8.48	-8.6%	24.3	27.4	-11.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	45.7	41.8	9.3%	140	142	-1.3%
Chi phí QLDN	26.3	29.9	-12.0%	89.3	85.6	4.2%
LN thuần từ HĐKD	-9.11	-25.8	64.7%	3.78	-58.9	106%
Lợi nhuận khác	-1.60	0.37	-532%	-11.7	10.9	-208%
LN trước thuế	-10.7	-25.4	57.8%	-7.97	-48.0	83.4%
Lợi nhuận sau thuế	-10.7	-25.4	57.8%	-7.97	-48.0	83.4%
LNST của CĐ cty mẹ	-9.59	-24.4	60.7%	-4.48	-47.3	90.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	79.4	-41.3	344	-225	103	43.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.8	-2.08	2.01	-49.5	-7.98	-9.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-100.0	62.6	-239	146	-62.9	12.3
Tiền đầu kỳ	57.2	23.9	43.1	151	22.5	54.7
Lưu chuyển tiền thuần	-33.3	19.2	108	-128	32.2	47.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	-0.02	0.30
Tiền cuối kỳ	23.9	43.1	151	22.5	54.7	102

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,459	3,412	1.4%
Tài sản ngắn hạn	937	672	39.4%
Tiền và tương đương tiền	102	151	-32.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	481	61.1	687%
Hàng tồn kho	346	442	-21.6%
Tài sản ngắn hạn khác	7.50	18.5	-59.3%
Tài sản dài hạn	2,522	2,740	-8.0%
Phải thu dài hạn	10.4	9.67	7.6%
Tài sản cố định	2,364	2,598	-9.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.5	15.6	30.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	127	117	8.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,690	1,636	3.3%
Nợ ngắn hạn	1,665	1,612	3.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	729	604	20.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	638	725	-12.0%
Nợ dài hạn	24.8	23.9	3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.2	15.0	1.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,769	1,777	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	1,769	1,777	-0.4%
Vốn điều lệ	1,232	1,232	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

